

Bản án số: **257/2021/KDTM-PT**

Ngày: 23-3-2021

V/v Tranh chấp về đầu tư

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Thẩm phán:

1/ Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

2/ Bà Vũ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05 và ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/KDTMPT ngày 28/12/2020 về việc “tranh chấp về đầu tư”.

Do Bản án sơ thẩm số 122/2020/KDTM-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị nguyên đơn kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2021/QĐXX-PT ngày 13/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9869/2021/QĐ-PT ngày 05/2/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1975

Địa chỉ: 223 Lô O, Chung cư N, Phường A, Quận B, Thành phố H (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Tôn Thất Hồ N, Văn phòng Luật sư A Hòa, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Công ty TNHH Xuất khẩu thực phẩm D

Trụ sở: Lô 42, đường số 2, Khu công nghiệp T, phường T, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Đặng Hoàng Đông T
- Ông Vũ Văn Đ

Cùng địa chỉ liên lạc: 411/47 Lê Đại H, Phường C, Quận D, Thành phố H (có mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị C; ông Trần Ngọc H

Cùng thường trú: 52 Trần Minh Q, Phường V, Quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Bùi Thị Ngọc H

Địa chỉ: 160/1 Nguyễn Duy D, Phường S, Quận F, Thành phố H (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Hồng P

Địa chỉ: 24/14 Song Hành Quốc lộ S, phường T, Quận K, Thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P trình bày:

Ngày 05/07/2014, bà Ph có thỏa thuận và ký kết “Bảng ghi nhớ” với ông Trần Ngọc H, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xuất nhập khẩu thực phẩm D (Công ty D), về việc mua bán Công ty D và Nhà máy chế biến thủy hải sản D tại địa chỉ Lô 42 Đường số 2 khu công nghiệp T, phường T, quận B. Bà Ph đồng ý mua lại số tài sản này với giá 6,5 tỷ đồng. Thanh toán lần 1 là 1.000.000.000 (một tỷ đồng) trong tháng 07/2014, lần 2 là 2.000.000.000 (hai tỷ đồng) cuối tháng 12/2014, lần 3 là 3.500.000.000 (ba tỷ năm trăm triệu đồng) trước ngày 31/6/2015.

Ngày 16/07/2014, bà Ph đã giao cho bà Nguyễn Thị C, đại diện Công ty D, số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ đồng), có ký nhận ngay trong “Bảng ghi nhớ” ngày 05/07/2014.

Do **ông H** và **bà C** không thực hiện việc chuyển giao Công ty D nên bà Ph nộp đơn khởi kiện ngày 03/7/2015, yêu cầu buộc tiếp tục thực hiện “Bảng ghi nhớ” ngày 05/07/2014.

Ngày 27/3/2018, bà Ph có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu buộc Công ty D, **ông H** và **bà C** tiếp tục thực hiện “Bảng ghi nhớ” ngày 05/07/2014, chuyển giao Công ty D cho bà Ph, trường hợp không tiếp tục thực hiện thì phải liên đới trả lại số tiền gốc và bồi thường thiệt hại như sau:

Trong trường hợp Tòa tuyên “Bảng ghi nhớ” ngày 05/7/2014 vô hiệu:

- Buộc **ông H** và **bà C** trả lại số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ đồng).

- Buộc **ông H** và **bà C** bồi thường thiệt hại do lỗi làm hợp đồng vô hiệu với số tiền lãi mà bà Ph chịu tổn thất tính từ ngày 28/7/2015 (ngày không thực hiện nghĩa vụ chuyển giao đồng thời là ngày Tòa án thụ lý vụ án) đến ngày 15/3/2018

là 1.193.437.500 đồng và tiền lãi tính đến khi trả hết số tiền gốc 3 tỷ đồng. Bồi thường số tiền tính theo tỷ lệ phần trăm tiền vốn góp theo giá chuyển nhượng năm 2016 giữa ông Hiếu, **bà C** với bên thứ ba là 16.000.000.000 (mười sáu tỷ đồng) x 46,154% = 4.384.000.000 đồng.

Tổng cộng **ông H** và **bà C** phải thanh toán cho bà Ph số tiền (tạm tính đến ngày 15/1/2018) là 8.577.437.500 đồng.

Trường hợp **ông H** và **bà C** không thanh toán số tiền trên thì yêu cầu chuyển cho bà Ph toàn bộ số tiền trong các sổ tiết kiệm của **bà C** mà Tòa án đã phong tỏa, đồng thời phát mãi tài sản của ông Hiếu, **bà C** để thi hành án.

Bà Ph xác định giữa bà và ông Ngô Nhân k không có đăng ký kết hôn, không phải là vợ chồng theo pháp luật quy định.

** Đại diện bị đơn Công ty D là bà Đặng Hoàng Đông T, ông Vũ Văn Đ trình bày:*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên (đăng ký lần 4 ngày 15/12/2011) thì Công ty D do ông Trần Ngọc H là người đại diện theo pháp luật, thành viên góp vốn gồm **ông H** (93,75%) và **bà C** (6,25%). Đăng ký lần 5 ngày 09/8/2014 gồm **ông H** (50%), **bà C** (6,25%) và ông Trần Ngọc Lâm (43,75%).

Ngày 20/01/2016, **ông H** đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp cho ông Trần Quốc Hải và đã Đăng ký lần 6 ngày 01/02/2016, theo đó Công ty D do ông Trần Quốc H là người đại diện theo pháp luật, thành viên góp vốn gồm ông Trần Quốc Hải (50%), bà Trần Thị Thu V (6,25%) và ông Trần Ngọc D (43,75%). Việc chuyển giao Công ty D là hoàn toàn hợp pháp. Căn cứ các tài liệu do cơ quan Thuế cung cấp thì không thể hiện việc **bà C** đưa số tiền 3 tỷ mà bà Ph nêu vào tài sản của Công ty D, bản thân các thành viên góp vốn mới của công ty cũng không nhận số tiền và nghĩa vụ thực hiện hợp đồng này từ ông Hiếu, bà Cúc.

Do không có sự chuyển giao nghĩa vụ giữa các thành viên góp vốn cũ và mới nên Công ty D không chịu trách nhiệm thực hiện “Bảng ghi nhớ” ngày 05/07/2014 về việc bàn giao công ty cho bà Ph cũng như việc trả lại số tiền 3 tỷ đồng và tiền lãi, tiền bồi thường theo yêu cầu của bà Phụng.

** Đại diện bị đơn ông Trần Ngọc H và bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Ông Trần Ngọc H có ký tên trong “Bảng ghi nhớ” ngày 05/07/2014 với bà Phụng, tại thời điểm đó **ông H** là người đại diện theo pháp luật của Công ty D, vợ ông là Nguyễn Thị Cúc cũng là thành viên góp vốn.

Nhưng sau đó bà Ph hoàn toàn không có liên lạc gì mặc dù vẫn tiến hành làm ăn với Công ty thông qua các hợp đồng mua bán đến tận tháng 02/2015. Chồng bà Ph là ông Ngô Nhân K vẫn đang cộng tác làm ăn với công ty. **Ông H** nhiều lần liên lạc với ông Kiệt nhưng ông Kiệt vẫn lẩn tránh không giải quyết những vấn đề tồn đọng của công ty. Công ty không biết, không ủy quyền cho **bà C** và không có ý kiến gì về việc có chữ ký của **bà C** trong “Bảng ghi nhớ”.

Tại phiên hòa giải ngày 17/9/2015, **bà C** khai không biết, không nhớ là có viết hay ký tên gì trong “Bản ghi nhớ” mà bà Ph đưa ra vì thời gian đã lâu, cũng không hề nhận tiền gì từ bà Ph. Hơn nữa, nếu **bà C** có nhận tiền thì là nhận của ai, nhận bằng phương thức nào (qua ngân hàng hoặc tiền mặt thì phải có người chứng kiến). **Bà C** đề nghị Tòa ghi nhận từ 16/07/2014 bà Ph nói là đã đưa tiền cho **bà C** nhưng đến nay vẫn không hề liên lạc với **bà C** về số tiền trên trong khi quyền lợi của bà Ph nằm ở số tiền quá lớn. Ông Kiệt thực sự có quan hệ với vợ chồng bà Cúc, còn bà Ph thì bà không biết.

Theo Kết luận giám định số 3021/C09B ngày 31/7/2020 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh thì:

Chữ ký mang tên Nguyễn Thị C dưới mục “Bên A”; Chữ viết có nội dung bắt đầu và kết thúc: “Đã nhận tiền... ngày 16/7/2014” trên “Bảng ghi nhớ” đề ngày 05/7/2014 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 là do cùng một người ký, viết ra.

Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tòa án đã ra các Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 23/2015/QĐ-BPKCTT ngày 05/11/2015, số 25/2015/QĐ-BPKCTT ngày 29/12/2015 và số 04/2016/QĐ-BPKCTT ngày 03/3/2016, về việc chưa cho xuất cảnh khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với bà Nguyễn Thị C. Ngày 21/3/2016, **bà C** đã tự nguyện nộp số tiền bảo đảm bằng 04 sổ tiết kiệm với tổng số tiền là 3.013.470.833 đồng.

Tòa án đã ra Quyết định thay đổi việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2016/QĐ-BPKCTT ngày 21/3/2016 với nội dung: Thay đổi việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chưa cho xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị C trú tại: 52 Trần Minh Quyền, Phường A, Quận B, Thành phố H bằng việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản tại ngân hàng quy định tại Điều 112 của Bộ luật Tố tụng dân sự như sau: Phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C (VietinBank) – Chi nhánh A TP. H theo 04 (bốn) Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn cùng đứng tên bà NGUYEN THI C, số CMND 020899388, địa chỉ 594/33K S, Phường A, Quận B, Thành phố H, Việt Nam với các nội dung thẻ:

1. Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng, số thẻ PK 4252433, số tài khoản nhóm 199010003648445, số tài khoản chi tiết 127010023263263, ngày phát hành 03/10/2015, số dư ngày 14/03/2016 là 513,470,833.00đ (năm trăm mười ba triệu bốn trăm bảy mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

2. Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng, số thẻ PK 4252434, số tài khoản nhóm 199010003648445, số tài khoản chi tiết 127010023277224, ngày phát hành 06/10/2015, số dư ngày 14/03/2016 là 1,000,000,000.00đ (một tỷ đồng).

3. Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, số thẻ PK 4252435, số tài khoản nhóm 199010003648445, số tài khoản chi tiết 129010015068845, ngày phát hành 07/04/2015, số dư ngày 14/03/2016 là 500,000,000.00đ (năm trăm triệu đồng).

4. Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, số thẻ PK 4252436, số tài khoản nhóm 199010003648445, số tài khoản chi tiết 129010019787766, ngày phát hành 14/03/2016, số dư ngày 14/03/2016 là 1,000,000,000.00đ (một tỷ đồng).

Đồng thời ra Quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2016/QĐ-BPKCTT ngày 21/3/2016, hủy bỏ các quyết định đã ban hành trước đây về việc chưa cho xuất cảnh đối với bà Cúc.

Về biện pháp bảo đảm: Tòa án đã ra Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 13/2015/QĐ-BPBD ngày 05/11/2015: Phong tỏa khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Phòng Giao dịch Bình Trị Đông – Chi nhánh Chợ Lớn số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) ngày gửi 30/7/2015, theo số sổ CI 195031, số tài khoản 060106048668 với kỳ hạn 06 tháng, người đứng tên là bà Nguyễn Hồng Ph.

Bản án sơ thẩm số 122/2020/KDTM-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

I. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Ph:

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng Công ty D theo “Bảng ghi nhớ” ngày 05/7/2014 ký giữa bà Nguyễn Hồng Ph và ông Trần Ngọc H là vô hiệu do lỗi của cả hai bên không ký hợp đồng công chứng và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

Buộc ông Trần Ngọc H và bà Nguyễn Thị C liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng Ph số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng).

Trường hợp **ông H** và **bà C** không thanh toán số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) cho bà Ph thì bà Ph có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành các thủ tục chuyển giao 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) cho bà Ph trong số tiền đã bị phong tỏa theo Quyết định thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2016/QĐ-BPKCTT ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

Thay đổi việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chưa cho xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị C trú tại: 52 Trần Minh Q, Phường C, Quận D, Thành phố H bằng việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản tại ngân hàng quy định tại Điều 112 của Bộ luật Tố tụng dân sự như sau:

Phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C(VietinBank) – Chi nhánh 10 TP. H theo 04 (bốn) Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn cùng đứng tên bà NGUYEN THI C, số CMND 020899388, địa chỉ 594/33K S, Phường A, Quận B, Thành phố H, Việt Nam với các nội dung thẻ:

1. Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng, số thẻ PK 4252433, số tài khoản nhóm 199010003648445, số tài khoản chi tiết 127010023263263, ngày phát hành 03/10/2015, số dư ngày 14/03/2016 là 513,470,833.00đ (năm trăm mười ba triệu bốn trăm bảy mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

2. Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng, số thẻ PK 4252434, số tài khoản nhóm 199010003648445, số tài khoản chi tiết 127010023277224, ngày phát hành 06/10/2015, số dư ngày 14/03/2016 là 1,000,000,000.00đ (một tỷ đồng).

3. Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, số thẻ PK 4252435, số tài khoản nhóm 199010003648445, số tài khoản chi tiết 129010015068845, ngày phát hành

07/04/2015, số dư ngày 14/03/2016 là 500,000,000.00đ (năm trăm triệu đồng).

4. Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, số thẻ PK 4252436, số tài khoản nhóm 199010003648445, số tài khoản chi tiết 129010019787766, ngày phát hành 14/03/2016, số dư ngày 14/03/2016 là 1,000,000,000.00đ (một tỷ đồng).

Bà Nguyễn Thị C được quyền nhận lại số tiền còn dư theo 04 sổ tiết kiệm nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực, và ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2016/QĐ-BPKCTT ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi có quyết định của Tòa án nhân dân quận Bình Tân hoặc cơ quan có thẩm quyền để bảo đảm việc thi hành án.

Hủy bỏ biện pháp bảo đảm theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 13/2015/QĐ-BPBD ngày 05/11/2015: Phong tỏa khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Phòng Giao dịch Bình Trị Đông – Chi nhánh Chợ Lớn số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) ngày gửi 30/7/2015, theo số sổ CI 195031, số tài khoản 060106048668 với kỳ hạn 06 tháng, người đứng tên là bà Nguyễn Hồng Ph, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

II. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Ph:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Ph về việc buộc Công ty D, các thành viên góp vốn hiện nay của Công ty D tiếp tục thực hiện việc chuyển giao Công ty D hoặc cùng chịu trách nhiệm liên đới trả lại tiền gốc, tiền lãi và tiền bồi thường.

Hợp đồng vô hiệu do hai bên cùng có lỗi nên không chấp nhận yêu cầu của bà Ph về việc buộc ông H, **bà C** thanh toán số tiền lãi 812.500.000đ và tiền bồi thường 4.384.000.000đ.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí, chi phí giám định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/11/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Ph có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 11/11/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân có Quyết định số 07/QĐKNPT-KDTM kháng nghị toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đề nghị tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Hồng Ph và Công ty D theo Bảng ghi nhớ ngày 05/7/2014; trường hợp hội đồng xét xử vẫn tuyên bảng ghi nhớ vô hiệu thì đề nghị bị đơn **ông H** và **bà C** trả tiền lãi 812.500.000 đồng và tiếp tục được tính từ ngày 16/3/2018 đến khi bị đơn trả dứt số tiền gốc ba tỷ đồng và bồi thường khoản thiệt hại 4.384.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp thành viên công ty, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Do đó Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý giải quyết là sai thẩm quyền.

Về án phí: Tòa án nhân dân quận Bình Tân áp dụng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là chưa đúng, trường hợp này phải tính án phí căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Bản án sơ thẩm tuyên ngày 27/10/2020; ngày 06/11/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Ph có đơn kháng cáo; ngày 11/11/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân có Quyết định kháng nghị số 07/QĐKNPT-KDTM. Xét thấy nguyên đơn kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân kháng nghị trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Xét về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đề nghị tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Hồng Ph và Công ty D theo Bảng ghi nhớ ngày 05/7/2014; trường hợp hội đồng xét xử vẫn tuyên bảng ghi nhớ vô hiệu thì đề nghị bị đơn **ông H bà C** trả tiền lãi 812.500.000 đồng và tiếp tục được tính từ ngày 16/3/2018 đến khi bị đơn trả dứt số tiền gốc ba tỷ đồng và bồi thường khoản thiệt hại 4.384.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân kháng nghị vì cho rằng cấp sơ thẩm đã xét xử sai thẩm quyền vì vụ án phải được thụ lý là tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty với công ty thuộc Khoản 3 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh. Đây là vấn đề cần xem xét.

[2.1] Xét thấy: Ngày 05/07/2014, bà Ph có thỏa thuận và ký kết “Bảng ghi nhớ” với ông Trần Ngọc h, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xuất nhập khẩu thực phẩm D (Công ty D), về việc mua bán Công ty D và Nhà máy chế biến thủy hải sản D tại địa chỉ Lô 42 Đường số 2 khu công nghiệp T, phường T, quận B. Bà Ph đồng ý mua lại số tài sản này với giá 6.500.000.000 (sáu tỷ năm trăm triệu đồng). Thanh toán lần 1 là 1.000.000.000 (một tỷ đồng) trong tháng 07/2014, lần 2 là 2.000.000.000 (hai tỷ đồng) cuối tháng 12/2014, lần 3 là 3.500.000.000 (ba tỷ năm trăm triệu đồng) trước ngày 31/06/2015. Ngày 16/07/2014, bà Ph đã giao cho bà Nguyễn Thị C, đại diện Công ty D, số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ đồng), có ký nhận ngay trong “Bảng ghi nhớ” ngày 05/07/2014. Mặc dù Biên bản ghi nhớ nói trên chỉ ký giữa bà Ph và ông Hiếu, không đóng dấu Công ty D nhưng nội dung thỏa thuận là chuyển nhượng toàn bộ tài sản, vốn, quy trình sản xuất,... Do phía **ông H** không thực hiện nên bà Ph khởi kiện, đề nghị thực hiện việc chuyển nhượng. Tại thời điểm ký kết ngày 05/7/2014, Công ty TNHH D là Công ty TNHH có hai thành viên gồm ông Trần Ngọc H và bà Nguyễn Thị C, với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 93.75% và 6,25%, **ông H** làm đại diện theo pháp luật. Bà Ph không phải thành viên của Công ty D nhưng đã giao dịch với ông H, **bà C** là thành viên của Công ty nhằm mua lại toàn bộ phần vốn góp của ông Hiếu, **bà C** tại Công ty D. Như vậy thỏa thuận các bên là thỏa thuận chuyển nhượng tài sản, vốn của công ty..., đây là tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty với thành viên công ty về việc chuyển nhượng vốn, thuộc Khoản 3 Điều 30, Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh; Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý giải quyết vụ án là tranh chấp đầu tư là không đúng bản chất của tranh chấp và không đúng thẩm quyền, vi phạm tố tụng

nghiêm trọng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần hủy bản án sơ thẩm, giữ lại hồ sơ để Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

[2.2] Ngoài ra cấp sơ thẩm còn áp dụng sai về Bộ luật Tố tụng dân sự 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011 và quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trường hợp này phải áp dụng Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án để giải quyết.

[2.3] Đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân nhận định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 10 vì bị đơn cư trú tại Quận 10 là không phù hợp với nội dung kháng nghị xác định thẩm quyền vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó không chấp nhận kháng nghị phần này.

[2.4] Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc phía bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[2.5] Đối với các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định của hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[4.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do hủy bản án nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần Kháng nghị số 07/QĐKNPT-KDTM ngày 11/11/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Ph. Hủy Bản án sơ thẩm số 122/2020/KDTM-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân,

Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ lại hồ sơ để Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

2. Các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

3. Về Án phí :

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

3.2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Ph không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Hồng Ph số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0062423 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS quận Bình Tân;
- TAND quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung